

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-PT

Ngày 14-3-2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng.

Ông Nguyễn Hoàng Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2021/DS-ST ngày 22 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù lao Dung, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐ-PT, ngày 07/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 36/2022/QĐ-PT, ngày 25/02/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hồ Văn L, sinh năm 1950; địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp Đ, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Vũ T, là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

- *Nguyên đơn ông Hồ Văn L trình bày:* Vào tháng 7 năm 2018, anh T có đến nhà ông L hỏi mượn 05 chỉ vàng 24 Kara để làm ăn, vì tin tưởng do anh T là chồng chị Trần Thị N (chị N là vợ anh Hồ Văn S, anh S là con trai nguyên đơn L đã chết năm 2014) nên ông L đồng ý cho mượn không làm giấy tờ và không lấy lãi, anh T hứa sau 01 năm sau sẽ trả đủ 05 chỉ vàng 24 Kara. Đến tháng 5/2019, thì anh T đã trả được 02 chỉ vàng 24 Kara, còn nợ lại 03 chỉ vàng 24 Kara, ông L đã nhiều lần yêu cầu anh T trả số vàng còn thiếu nhưng đến nay anh T vẫn không trả.

Vì vậy, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải trả 03 chỉ vàng 24 Kara còn thiếu.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh T trình bày: Anh cùng với vợ tên Trần Thị N có mượn 05 chỉ vàng 24 Kara của ông L về làm kinh tế gia đình là trồng khoai môn lấy củ. Từ đó, ông L thay đổi 01 phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể ông L yêu cầu anh T cùng chị N phải trả cho ông 03 chỉ vàng 24 Kara, mỗi người trả 1,5 chỉ vàng.

- *Bị đơn Nguyễn Vũ T trình bày:* Anh cùng vợ tên Trần Thị N có vay 05 chỉ vàng 24 Kara của ông Hồ Văn L vào tháng 10/2018 âm lịch, vay không tính lãi, khi vay chỉ thỏa thuận bằng lời nói không làm hợp đồng bằng văn bản, hứa 01 năm sẽ trả, đến tháng 02/2019 âm lịch anh đã trả cho ông L 02 chỉ vàng 24 Kara, còn nợ lại 03 chỉ vàng 24 Kara. Trong số 05 chỉ vàng vay của ông L thì 02 chỉ vàng 24 Kara sử dụng vào mục đích làm kinh tế gia đình là trồng khoai môn, còn 03 chỉ vàng 24 Kara thì do chị N giữ, sau đó chị N tự ý đi đóng lãi Ngân hàng thay cho anh Hồ Văn S, là chồng trước của chị N và là con ruột của ông Hồ Văn L đã vay trước đây, anh T đã chết từ năm 2014.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, anh T đồng ý cùng chị N trả cho ông L 03 chỉ vàng 24 Kara, mỗi người trả 1,5 chỉ vàng 24 Kara.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị N trình bày:* Chị và anh T có vay của ông Hồ Văn L 05 chỉ vàng 24 Kara vào tháng 10/2018 âm lịch, ông L cho vay không tính lãi, hợp đồng bằng lời nói chứ không lập thành văn bản, hứa 01 năm sẽ trả, sau đó đã trả 02 chỉ vàng 24 Kara, hiện nay còn nợ lại 03 chỉ vàng 24 Kara.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông L, chị đồng ý cùng anh T trả cho ông L 03 chỉ vàng 24 Kara, mỗi người trả 1,5 chỉ vàng 24 Kara.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST, ngày 22/9/2021 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 280, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L. Buộc ông Nguyễn Vũ T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn L số vàng 1,5 chỉ vàng 24 Kara tương đương số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho ông L số vàng 1,5 chỉ vàng 24 Kara, tương đương số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, tiền án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 14/10/2021, bị đơn T làm đơn kháng cáo quá hạn và được Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng chấp nhận việc kháng cáo quá hạn. Bị đơn T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên bị đơn T không có trách nhiệm trả cho nguyên đơn L 1,5 chỉ vàng 24 Kara vì bị đơn T không có mượn tiêu xài cá nhân.

Trong quá trình giải quyết tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn L không rút đơn khởi kiện; Bị đơn T không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và bị đơn T đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn L và người liên quan N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, là chưa thực hiện nghiêm theo triệu tập của Tòa án.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của bị đơn T không có căn cứ, nguyên đơn L và người liên quan N không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn T. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn T là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

- Nguyên đơn L và người liên quan N, đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn L và người liên quan N.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Bị đơn T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Tuyên bị đơn T không có trách nhiệm trả cho nguyên đơn L 1,5 chỉ vàng 24 Kara vì bị đơn T không có mượn tiêu xài cá nhân.

Xét kháng cáo của bị đơn T thì thấy rằng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn T đều thừa nhận có nhận của nguyên đơn L 5 chỉ vàng 24 Kara, đã trả được 02 chỉ còn lại 03 chỉ vàng 24 Kara chưa trả. Vì vậy, đây là sự thật không phải chứng minh, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn T không đồng ý trả cho nguyên đơn L 1,5 chỉ vàng 24 Kara vì các căn cứ sau: Số vàng 03 chỉ còn lại bị đơn T không giữ và không tiêu xài cá nhân mà do vợ là người liên quan N giữ, sau đó N tự ý bán lấy tiền trả Ngân hàng thay cho anh S là chồng trước của chị N đã vay của Ngân hàng trước đó. Ngoài ra, anh T còn cho rằng: Trước khi nhận của ông L 5 chỉ vàng 24 Kara, anh T và chị N có gửi ông L giữ dùm 19.000.000 đồng, sau đó anh đến lấy 19.000.000 đồng thì ông L không có tiền đưa mà đưa 05 chỉ vàng 24 Kara cho anh bán lấy tiền sử dụng trước, các bên thỏa thuận sau này khi anh T trả 05 chỉ vàng thì ông L trả lại 19.000.000 đồng. Vì vậy, anh T yêu cầu ông L trừ 03 chỉ vàng còn thiếu vào số tiền 19.000.000 đồng mà ông L đang giữ, còn lại bao nhiêu tiền thì trả lại cho anh và chị N.

Xét các ý kiến của bị đơn T thì thấy rằng:

Đối với số vàng 05 chỉ vàng 24 Kara mà anh T và chị N thừa nhận, đã nhận từ ông L, đã trả được 02 chỉ vàng thì phải nghĩa vụ phải trả 03 chỉ vàng còn thiếu. Đối với việc anh S cho rằng, chị N tự ý bán 03 chỉ vàng để trả tiền vay Ngân hàng thay cho anh S đã vay khi còn sống, đây là sự thỏa thuận riêng của anh T và chị N, không liên quan đến số vàng mà anh T và chị N đã nhận từ ông L là 05 chỉ vàng và đã trả được 02 chỉ vàng còn lại 03 chỉ vàng chưa trả. Đối với số tiền 19.000.000 đồng, anh T cho rằng đã gửi ông L giữ dùm trước khi nhận từ ông L 05 chỉ vàng, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn T không làm Đơn yêu cầu phản tố, để yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền này. Vì vậy, cấp sơ thẩm không xem xét về số tiền này là đúng quy định của pháp luật. Nếu sau này, bị đơn T có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền này, thì sẽ được Tòa án có thẩm quyền xem xét, giải quyết bằng vụ án khác. Bị đơn T yêu cầu cần trừ số tiền 19.000.000 đồng nêu trên vào 03 chỉ vàng còn thiếu, nhưng do ông L vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến về vấn đề cần trừ này, nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn T không chứng minh được kháng cáo của mình là có căn cứ và không được nguyên đơn L chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm

không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn T.

Đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật như đã viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn T không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Vũ T.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2021/DS-ST ngày 22 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 280, khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L. Buộc ông Nguyễn Vũ T có nghĩa vụ trả cho ông Hồ Văn L số vàng 1,5 chỉ vàng 24 Kara tương đương số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và buộc bà Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho ông L số vàng 1,5 chỉ vàng 24 Kara, tương đương số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Về chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Vũ T phải chịu 375.000 đồng (ba trăm

bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và bà Trần Thị N phải chịu 375.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Hồ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Vũ T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001725 ngày 30/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù lao Dung, tỉnh Sóc Trăng. Bị đơn T đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Trung